

Số: 381/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 09 tháng 02 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, Điều 81 82, 83, 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý sơ thẩm số 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Dương D, sinh năm 1971.

2. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1975.

Cùng nơi cư trú: Đường A, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:*

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đang cư trú tại thành phố Thủ Đức nên việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về các yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 01/2001 lập ngày 16 tháng 4 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H là hợp pháp.

Căn cứ theo Đơn yêu cầu, các bản tự khai, và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong đời sống vợ chồng, ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn tình cảm, không thể giải quyết hết trách nhiệm giữa vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H tự nguyện thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải đoàn tụ, ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H không mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, và công nhận sự thỏa thuận của ông, bà:

- Về con chung: ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H thừa nhận có 02 con chung: Chị Trần Lê Thảo C (sinh ngày 19/10/2002) và trẻ Trần Lê Thảo L (sinh ngày 30/11/2006). ông D và bà H thỏa thuận:

Bà Lê Thị Thu H được quyền trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Trần Lê Thảo L (sinh ngày 30/11/2006) cho đến khi thành niên và tự lập, hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Riêng chị Trần Lê Thảo C đã thành niên và tự lập nên chị Thảo Chi được quyền chọn lựa, quyết định sống chung với mẹ hoặc với cha.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Dương D, do bà Lê Thị Thu H chưa có yêu cầu.

- Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản (nợ chung): ông Trần Dương D và bà Lê Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nội dung thỏa thuận của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 26/01/2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Dương D với bà Lê Thị Thu H thuận tình ly hôn. Quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 01/2001 lập ngày 16 tháng 4 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, được chấm dứt kể từ ngày 09/02/2022.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê Thảo L (sinh ngày 30/11/2006) cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục.

Cả cha và mẹ có trách nhiệm thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục con chung cho đến khi thành niên và tự lập, hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Lê Thị Thu H chưa có yêu cầu nên tạm hoãn trách nhiệm thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Dương D.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí ly hôn:

Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Dương D chịu, được cân trừ vào số tiền lệ phí ông D đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0025770 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- UBND Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Chí Quang

